

**TÒA ÁN N DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-PT

Ngày: 01 - 3 - 2022

V/v tranh Chấp Chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc T gồm có:

- T phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các T phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Ông Ngô Tấn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án N dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/02/2022 và 01/3/2022, tại trụ sở Tòa án N dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc T công khai vụ án thụ lý số 214/2021/TLPT-DS ngày 18/10/2021 về Tranh Chấp Chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ T số 48/2021/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tòa án N dân huyện Lai Vung bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc T số: 320/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Mai Thanh H, sinh năm 1972;

Địa Chỉ: Số 751¹/1, ấp Long Khánh A, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Thanh H là: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1975; Địa Chỉ: Số nhà 85D, đường Kênh Mười Thước, Khóm 1, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2021).

- Bị đơn: Mai Văn R, sinh năm 1961;

Địa Chỉ: Số 113/2, ấp Thới Mỹ 1, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Mai Văn Ne, sinh năm 1958 (Chết 2019);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Mai Văn Ne, đồng thời là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.1. Nguyễn Thị Chiêm, sinh năm 1956;

1.2. Mai Văn Bé Ba, sinh năm 1978;

1.3. Mai Văn N, sinh năm 1983;

Cùng địa Chỉ: Số 113B/2 ấp Thới Mỹ 1, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Mai Văn Bé Hai, sinh năm 1976;

Địa Chỉ: Số 236G, ấp Long Thuận, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Mai Thị Bé Tư, sinh năm 1980;

Địa Chỉ: Số 199B/2, ấp Long Định, xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

1.6. Mai Thị Hương L, sinh năm 1985;

Địa Chỉ: Số 165/10, đường Nguyễn Thị Thập, khu phố 2, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Mai Thị Sáu, sinh năm 1963;

Địa Chỉ: Số 752B/1, ấp Long Khánh A, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Mai Kim N, sinh năm 1965;

Địa Chỉ: Số 76/4, ấp Long Hưng 2, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Mai Văn T, sinh năm 1969;

Địa Chỉ: Số 113B/2, ấp Thới Mỹ 1, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh

Đồng Tháp.

5. Mai Văn M, sinh năm 1969;

Địa Chỉ: Số 6D/TB, ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn M là: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1975; Địa Chỉ: Số nhà 85D, đường Kênh Mười Thước, Khóm 1, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2021).

6. Mai Thị Bé Chính, sinh năm 1971;

Địa Chỉ: Số 927A/1, ấp Long Khánh A, xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

7. Mai Kim H, sinh năm 1972;

Địa Chỉ: Số 195/LP, ấp Long Phú, xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

8. Mai Kim H, sinh năm 1974;

Địa Chỉ: Số 230/3, ấp Thới Mỹ 1, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

9. Mai Văn Út, sinh năm 1977;

Địa Chỉ: Số 112/2, ấp Thới Mỹ 1, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

10. Phan Kim N, sinh năm 1957;

11. Mai Thị Kim Hai, sinh năm 1977;

12. Mai Thu T, sinh năm 1979;

13. Mai H Kha, sinh năm 1981;

14. Mai Thị Kim Thơ, sinh năm 1983;

Cùng địa Chỉ: Số 113/2, ấp Thới Mỹ 1, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

15. Trần Thị Ph, sinh năm 1978;

Địa Chỉ: Số 112/2 ấp Thới Mỹ 1, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh

Đồng Tháp.

16. Nguyễn Thị Mỹ Chi, sinh năm 1990;

Địa Chỉ: Số 114/2, ấp Thới Mỹ 1, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

17. Nguyễn Thị M, sinh năm 1966;

18. Mai Thị Thúy An, sinh năm 1993;

Cùng địa Chỉ: Số 113B/2 ấp Thới Mỹ 1, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Mai Văn R là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Mai Thanh H trình bày:

Cha ông là cụ Mai Văn Thảo, sinh năm 1930 Chết năm 2009 và mẹ là cụ Nguyễn Thị Năm, sinh năm 1933 Chết năm 2014. Thời gian sống Chung sinh được 11 người con là: Mai Văn R, Mai Văn Ne, Mai Thị Sáu, Mai Kim N, Mai Văn Tuấn, Mai Văn M, Mai Thị Bé Chính, Mai Kim H, Mai Kim H, Mai Thanh H, Mai Văn Út. Cụ Thảo và cụ Năm có tài sản Chung là quyền sử dụng đất cụ thể như sau: Thửa 164, thửa 166, thửa 167, thửa 1275, 1278, 1283 cùng tờ bản đồ số 01, tại xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, do hộ cụ Mai Văn Thảo đứng tên quyền sử dụng đất. Cụ Thảo, cụ Năm Chết không để lại di Chúc. Do các anh em không thống nhất cách Chia nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất số 164, 166, 167, 1275, 1278, 1283 cùng tờ bản đồ số 01 diện tích theo đo đạc thực tế, cụ thể ông yêu cầu được hưởng 5.251,2m² thuộc một phần thửa 164 và yêu cầu được nhận ngôi nhà thờ cấp 4 diện tích 262,7m². Đối với vật dụng trong nhà ông không yêu cầu Chia mà để thờ cúng Cha mẹ. Nếu ông R có yêu cầu Chia thì ông đồng ý trả giá trị phần Chênh lệch căn nhà và vật dụng trong nhà lại Cho ông R. Thửa 164 hiện có các ngôi nhà của ông R, ông Ne, ông T, ông Út, nhà thờ của Cha mẹ để lại và mồ mã ông bà. Còn diện tích 1.438,2m² thuộc một phần thửa 164 trước đây ông R có sử dụng vài năm nhưng sau đó trả lại và hiện nay bà H đang trồng quýt nhưng hiện quýt không hiệu quả nên không ai canh tác.

Tại thửa 166 có Chuồng heo ông R xây cất khoảng năm 2000 phần còn

lại là đất trồng có một số cây tạp như sao, tre do Cha mẹ trồng và phần 63,5m² thuộc một phần thửa 167 ông R không có sử dụng, trên diện tích này có cây sao do Cha mẹ trồng.

Ông đồng ý Chia Cho ông R hưởng diện tích hiện có ngôi nhà ông R đang sử dụng là 668,3m² thuộc một phần thửa đất số 164 và hưởng một phần thửa 1275 diện tích theo đo đạc là 5.030,7m², vì đây là vị trí nối liền thửa đất của ông R đang sử dụng nên giao Cho ông R một phần thửa 1275 Cho ông R thuận tiện canh tác.

Đối với thửa đất mà hiện nay ông R có xây dựng Chuồng heo thì yêu cầu ông R di dời Chuồng heo để Chia thửa kế đối với thửa đất này Cho các anh em cùng đứng tên Chung.

Thửa 1283 hiện nay không ai sử dụng, thửa 1275 có một phần 1.270,8m² là bà Bé Chính đang sử dụng trồng xoài, phần còn lại 5.030,7m² không ai sử dụng, thửa 1278 không ai sử dụng.

Ông Chỉ yêu cầu được Chia đối với thửa 164 nêu trên, đối với các thửa còn lại thì thống nhất Chia thửa kế Cho các anh em, ông không yêu cầu được đứng tên Chung cũng như không yêu cầu các đồng thửa kế trả giá trị Chênh lệch.

Ông thống nhất Cho các anh em đứng tên Chung (Ngoài ông R) là thửa 166, 167, một phần thửa 1275, thửa 1278 và thửa 1283. Đối với thửa đất ở là thửa 166, ông yêu cầu Chia thành 11 phần. Phần của ông sẽ N lại Cho các anh em (Trừ ông R). Phần cây trồng có trên đất ông không tranh Chấp.

Đối với ngôi nhà thờ trên thửa đất 164 là ngôi nhà của Cha mẹ để lại gồm nhà Chính, nhà phụ và mái Che có giá trị theo định giá là 392.852.000 đồng. Ông yêu cầu được nhận ngôi nhà để làm nhà thờ cúng ông bà. Ông sẽ trả lại giá trị Cho các đồng thửa kế còn lại, nếu họ có yêu cầu. Còn đối với đồ đạc trong nhà theo định giá như 02 cái tủ thờ, 01 cái bàn trện, 01 bộ ngựa gỗ, 01 bộ bàn dài là của Cha mẹ mua, ông không yêu cầu Chia thửa kế mà để thờ cúng. Nếu ông R yêu cầu Chia ông đồng ý trả giá trị lại Cho ông R.

Ông không yêu cầu ông R trả giá trị đất đối với phần vượt quá phần được hưởng của ông R.

Các giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất bản Chính hiện nay ông đang

giữ không có thể Chấp ở đâu.

- Bị đơn ông Mai Văn R trình bày:

Ông thống nhất Cha mẹ là cụ Thảo, cụ Năm Chết không để lại di Chúc, tài sản để lại các thửa đất đúng như bên Nguyên đơn trình bày. Hiện phần đất tại thửa số 164 ông sử dụng là 668,3m² được Cha mẹ Cho trên 30 năm. Phần diện tích tại thửa 166 ông cũng được Cha mẹ Cho năm 2000 và sử dụng từ năm 2000 đến nay. Còn diện tích 1.438,2m² thuộc một phần thửa 164 và 63,5m² thuộc một phần thửa 167 thì được Cha mẹ Cho từ năm 1989, sử dụng từ năm 1989 đến năm 2010 thì ông Cho Chị H thuê trồng quýt để ông xây nhà mồ Cho ông bà, việc Cho thuê không có làm giấy tờ.

Ông không đồng ý yêu cầu của ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì phần đất ông sử dụng tại thửa 166 và một phần thửa 164, thửa 167 ông được Cha mẹ Cho, nên các phần đất này là của ông. Các thửa đất còn lại hiện không ai sử dụng, ông đồng ý Chia theo pháp luật. Nếu Tòa án xác định phần đất Cha mẹ Cho ông là di sản thừa kế thì ông đồng ý cộng Chung với các thửa còn lại Chia đều Cho 11 anh em. Đối với căn nhà thờ và đồ đạc trong nhà ông thống nhất như theo định giá. Ông yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý trả giá trị lại Cho các đồng thừa kế. Ông không đồng ý nhận đất tại một phần thửa 1275 và cũng không xác định phần của ông là tại vị trí nào, mà do Tòa xác định. Nếu phần ông nhận vượt quá ông không đồng ý trả giá trị Chênh lệch Cho các đồng thừa kế, còn thiếu thì ông nhận thêm.

Đối với các cây trồng trên đất thì ông thống nhất không tranh Chấp. Còn đối với Chuồng heo của ông, nếu buộc ông di dời thì yêu cầu ai hưởng tại thửa đất 166 thì bồi thường giá trị theo định giá Cho ông. Đối với lối đi ông tự thỏa thuận với các anh em, nếu sau này có phát sinh tranh Chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Ông Cho rằng, anh Mai Văn Bé Ba bị tâm thần nhưng cũng có lúc tỉnh thì vẫn biết Cha mẹ, dòng họ nhưng có điều ít tiếp xúc với ai. Ông không yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi Cho anh Bé Ba vì ông không thể làm được.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Các ông bà Mai Thị Sáu, Mai Kim N, Mai Văn T, Mai Văn M, Mai Thị Bé Chính, Mai Kim H, Mai Kim H, Mai Văn Út và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của Mai Văn Ne là bà Nguyễn Thị Chiêm trình bày:

Các ông bà thống nhất ý kiến của ông H. Các ông bà yêu cầu đứng tên Chung các thửa đất 166, 167, một phần thửa 1275, thửa 1283, thửa 1278. Riêng ông T, ông Út, bà Chiêm có yêu cầu nhận diện tích có căn nhà mà mình đang sử dụng theo đo đạc cụ thể: Phần ông Ne là 692,1m², ông T 642,6m², phần ông Út là 517,8m². Thống nhất Chia Cho ông R đứng diện tích và sổ thửa như bên ông H trình bày. Yêu cầu ông R di dời Chuồng heo trả lại diện tích 1.050m² Cho các anh em đứng tên Chung, không hỗ trợ Chi phí di dời. Các ông bà đồng ý nếu phần được Chia như trên ít hơn so với phần được hưởng thì không yêu cầu ông H, ông R trả giá trị chênh lệch và cũng không yêu cầu nhận thêm đất.

Đối với diện tích thửa 164 và căn nhà thờ trên đất, các ông bà thống nhất nhận diện tích theo đo đạc thực tế không yêu cầu nhận thêm. Phần diện tích ông H được hưởng và thờ cúng nếu vượt quá, các ông bà không yêu cầu trả lại. Đối với căn nhà thờ hiện nay các ông bà cũng thống nhất giao căn nhà Cho ông H đứng tên, sử dụng nhà và đồ đạc trong nhà, không yêu cầu Chia giá trị nhà cũng như đồ đạc trong nhà mà để Cho ông H sử dụng, thờ cúng.

Ngoài ra, bà Mai Kim H Cho rằng không có việc bà thuê đất như ông R trình bày.

Đối với cây trồng trên đất các ông bà không tranh Chấp, không yêu cầu định giá, cũng không yêu cầu giải quyết lối đi Chung, sẽ tự thỏa thuận, nếu sau này có phát sinh tranh Chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

+ Những người con của ông Ne là Mai Văn Bé Ba, Mai Văn N, Mai Văn Bé Hai, Mai Thị Bé Tư, Mai Thị Hương L có ý kiến Cho mẹ là bà Nguyễn Thị Chiêm có toàn quyền quyết định và định đoạt phần di sản của ông Ne được hưởng, những người đồng thừa kế với nhau không tranh Chấp.

+ Các anh Chị Phan Kim N, Mai Thị Kim Hai, Mai Thu T, Mai H Kha, Mai Thị Kim Thơ, Trần Thị Ph, Nguyễn Thị Mỹ Chi, Nguyễn Thị M, Mai Thị Thúy An vắng mặt tại phiên Tòa án cấp sơ T và không có văn bản ý kiến hay phản bác ý kiến của Nguyên đơn, Bị đơn, những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và không yêu cầu ghi trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ T số 48/2021/DS-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án N dân huyện Lai Vung đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu Chia thừa kế của ông Mai Thanh H.

- Ông H được hưởng 5.251,2m² đất thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 01 thể hiện tại các mốc M2 - M17 - M16 - M15 - M27 - M28 - M29 - M10 - M9 - M8 - M7 - M6 - M24 - M23 - M22 - M20 - M19 - M18 - M3 - và M2 theo Sơ đồ đo đạc ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Mai Thanh H được quản lý sử dụng ngôi nhà thờ và tài sản trong nhà gồm 02 cái tủ thờ, 01 cái bàn trện, 01 bộ ngựa gỗ, 01 bộ bàn dài theo biên bản xem xét T định tại Chỗ ngày 19/3/2019 của Tòa án huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp và biên bản định giá ngày 19/3/2019 và ngày 26/8/2020 của Hội đồng định giá huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Mai Thanh H có nghĩa vụ trả giá trị Chênh lệch giá trị căn nhà và tài sản trong nhà Cho ông Mai Văn R là 37.041.000 đồng.

Ông Mai Thanh H có nghĩa vụ trả giá trị Chênh lệch phần diện tích đất được hưởng lại Cho ông R là 7.964.000 đồng.

- Ông Mai Văn R được hưởng diện tích 668,3m² đất thuộc một phần thửa đất 164, tờ bản đồ số 01 thể hiện tại các mốc M1 - M2 - M17 - M16 và M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Mai Văn R được hưởng diện tích 5.030,7m² thuộc một phần thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 01 thể hiện tại các mốc M1 - M4 - M5 - M6 và M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/02/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Mai Văn R phải tháo dỡ di dời Chuồng heo thuộc thửa đất 166, tờ bản đồ số 01 diện tích là 1.050m² thể hiện tại các mốc M14 - M15 - M27 - M28 và M14 theo Sơ đồ đo đạc ngày 19/3/2019 để Cho Mai Văn T, Mai Văn M, Mai Văn Út, Mai Thị Bé Sáu, Mai Thị Bé Chính, Mai Thị Kim H, Mai Thị Kim H, Mai Thị Kim N, Mai Văn Ne (Chết) những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Ne là: Nguyễn Thị Chiếm, Mai Văn Bé Ba, Mai Văn Bé Hai, Mai Văn N, Mai Thị Bé Tư, Mai Thị Hương L sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Thị Sáu, Mai Kim N, Mai Văn T, Mai Văn M, Mai Thị Bé Chính, Mai Kim H, Mai Kim H, Mai Văn Út và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố

tụng của Mai Văn Ne gồm: (Nguyễn Thị Chiếm, Mai Văn Bé Hai, Mai Văn Bé Ba, Mai Văn N, Mai Thị Bé Tư, Mai Thị Hương L).

Ông Mai Văn T được hưởng diện tích 642.6m² thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 01 thể hiện từ các mốc M4 - M5 - M22 - M21 về M4, theo sơ đồ đo đạc ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Mai Văn Út được hưởng diện tích 517.8m² thể hiện từ các mốc M3-M4 - M21 - M20 - M19 - M18 về M3, theo sơ đồ đo đạc ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của Mai Văn Ne gồm: Bà Nguyễn Thị Chiếm, Anh Mai Văn Bé Hai, Mai Văn Bé Ba, Mai Văn N, Mai Thị Bé Tư, Mai Thị Hương L được hưởng diện tích 692.1m², thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 01 thể hiện từ các mốc M5 - M6 - M24 - M22 về M5, theo sơ đồ đo đạc ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Mai Văn T, Mai Thị Sáu, Mai Kim N, Mai Văn M, Mai Thị Bé Chính, Mai Kim H, Mai Kim H, Mai Văn Út và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của Mai Văn Ne gồm: Nguyễn Thị Chiếm, ông Mai Văn Bé Hai, Mai Văn Bé Ba, Mai Văn N, Mai Thị Bé Tư, Mai Thị Hương L sử dụng và đứng tên Chung diện tích các thửa đất sau đây:

Diện tích 1.050m² thuộc thửa đất 166, tờ bản đồ số 01 thể hiện từ các mốc M14 - M15 - M27 - M28 về M14, theo sơ đồ đo đạc ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích 4.196,9m² thuộc thửa đất 167, tờ bản đồ số 01 thể hiện từ các mốc M10 - M12 - M13 - M14 - M28 - M29 về M10, theo sơ đồ đo đạc ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích 10.071.5m² thuộc thửa đất 1278, tờ bản đồ số 01 thể hiện từ các mốc M1 - M2 - M3 - M4 về M1, theo sơ đồ đo đạc ngày 27/02/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích 1.270.8m² thuộc một phần thửa đất 1275, tờ bản đồ số 01 thể hiện từ các mốc M1 - M2 - M3 - M4 về M1, theo sơ đồ đo đạc ngày

27/02/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích 17.664.9m² thuộc thửa đất 1283, tờ bản đồ số 01 thể hiện từ các mốc M1 - M2 - M3 - M4 về M1, theo sơ đồ đo đạc ngày 27/02/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Mai Văn T, Mai Thị Sáu, Mai Kim N, Mai Văn M, Mai Thị Bé Chính, Mai Kim H, Mai Kim H, Mai Văn Út và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Mai Văn Ne gồm: Nguyễn Thị Chiêm, ông Mai Văn Bé Hai, Mai Văn Bé Ba, Mai Văn N, Mai Thị Bé Tư, Mai Thị Hương L có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch phần diện tích được hưởng đối thửa đất 166, tờ bản đồ số 01 Cho Mai Văn R là 26.727.000 đồng.

Buộc Mai Văn T, Mai Thị Sáu, Mai Kim N, Mai Văn M, Mai Thị Bé Chính, Mai Kim H, Mai Kim H, Mai Văn Út và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Mai Văn Ne gồm: Nguyễn Thị Chiêm, ông Mai Văn Bé Hai, Mai Văn Bé Ba, Mai Văn N, Mai Thị Bé Tư, Mai Thị Hương L bồi thường Chi phí di dời Chuồng heo Cho ông Mai Văn R là 3.959.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, Chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ T, ngày 30/6/2021 ông Mai Văn R làm đơn kháng cáo bản án sơ T. Yêu cầu Tòa án cấp phúc T hủy Bản án dân sự sơ T vì ông Mai Thanh H tự đặt ra yêu cầu khởi kiện mà các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không biết. Nếu Tòa án Chấp nhận yêu cầu Chia thừa kế của Nguyên đơn thì ông yêu cầu nhận hiện vật không đồng ý nhận giá trị và phần nào ông được Cha mẹ Cho trước thì ông tiếp tục sử dụng không để ảnh hưởng, xáo trộn gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc T, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông R vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc T:

+ Về tố tụng: T phán Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều Chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không Chấp nhận kháng cáo của ông R, giữ nguyên bản án sơ T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được T tra tại phiên tòa và căn cứ vào K quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông R kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc T hủy bản án sơ T vì ông Cho rằng ông H tự đặt ra yêu cầu khởi kiện mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không biết nhưng ông không có Chứng cứ Chứng minh. Tại phiên tòa phúc T ông Cho rằng anh Mai Văn Bé Ba là con ông Mai Văn Ne bị bệnh tâm thần. Do đó, anh Bé Ba ký tên trong đơn khởi kiện là không có và cần phải có người đại diện nhưng Tòa án cấp sơ T không xem xét là vi phạm tố tụng.

Xét thấy, sau khi ông Ne Chết Tòa án cấp sơ T đã đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ne gồm vợ và con ông Ne vào tham gia tố tụng trong đó có bà Nguyễn Thị Chiếm là mẹ ông Bé Ba nên bà Chiếm cũng là người giám hộ và đại diện Cho ông Bé Ba theo pháp luật. Mặt khác, việc giải quyết vụ án cũng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bé Ba và ông R nên không có căn cứ để hủy bản án sơ T.

[2] Xét việc ông R kháng cáo Cho rằng diện tích 668,3m² (Phần đất có ngôi nhà của ông) và diện tích 1.438,2m² thuộc một phần thửa 164, diện tích 63,5m² thuộc một phần thửa 167 ông được cụ Thảo và cụ Năm Cho ông vào năm 1989, còn diện tích 1.050m² thuộc thửa 166 ông được cụ Thảo và cụ Năm Cho ông vào năm 2000 nên ông không đồng ý nhập Chung các diện tích đất nêu trên vào di sản của cụ Thảo và cụ Năm để Chia thừa kế là không phù hợp. Bởi vì, ông không có Chứng cứ để Chứng minh là đã được Cha mẹ Cho đất như ông trình bày. Tại phiên tòa phúc T ông R cũng thừa nhận năm 2000 khi cụ Thảo được cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất ông có yêu cầu cụ Thảo sang tên quyền sử dụng đất Cho ông nhưng cụ Thảo không đồng ý. Còn các đồng thừa kế khác cũng xác định Cha mẹ Chỉ Cho các con ở tạm trên đất Chứ không Cho luôn nên ông T, ông Út và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố

tụng của ông Ne là những người có nhà trên đất thuộc thửa 164 của cụ Thảo và cụ Năm đều đồng ý các thửa đất của Cha mẹ để lại là di sản để Chia thừa kế. Đối với hai người làm Chứng là ông Tư và ông Nghĩa cũng Chỉ biết trước đây ông R có sử dụng phần đất này nhưng việc cụ Thảo và cụ Năm có Cho đất ông R hay không thì không biết. Do đó, không có căn cứ để xác định các diện tích đất nêu trên ông R đã được cụ Thảo và cụ Năm Cho trước khi Chết nên Tòa án cấp sơ T nhập Chung lại để Chia Cho các đồng thừa kế là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc T các đương sự cũng thừa nhận sau khi cụ Thảo và cụ Năm Chết thì ông H là người quản lý ngôi nhà của cụ Thảo và cụ Năm để thờ cúng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ T Chia thừa kế Cho ông H diện tích 5.251,2m² thuộc một phần thửa 164 và ngôi nhà của cụ Thảo và cụ Năm trên thửa 164 để thờ cúng ông bà và ông H phải trả 1/11 giá trị ngôi nhà và tài sản trong nhà Cho ông R là phù hợp.

[4] Tổng diện tích 47.056,8m² Chia đều Cho 11 phần mỗi phần tương đương là 4.277,8m². Tuy nhiên, do vị trí đất không phù hợp Cho việc Chia đều diện tích Cho các đồng thừa kế cũng như vị trí đất mà các đương sự yêu cầu.

Tòa án cấp sơ T Chia thừa kế Cho ông R tổng diện tích là 5.699m². Trong đó, diện tích 668.3m² (Phần có ngôi nhà của ông R) thuộc một phần thửa đất số 164 và diện tích 5.030,7m² thuộc một phần thửa đất số 1275 liền kề với thửa 1276 của ông R là có xem xét đến vị trí đất để thuận tiện Cho việc ông R sử dụng đất và phần ông được Chia diện tích nhiều hơn các đồng thừa kế còn lại là phù hợp và có lợi Cho ông R.

[5] Đối với 1.050m² thuộc thửa 166 tờ bản đồ số 01 là đất ở nông thôn, hiện có Chuồng heo của ông R, được các bên thừa nhận ông R sử dụng năm 2000. Phần còn lại ông R không có sử dụng. Xét thấy, Chuồng heo đã làm từ lâu giá trị sử dụng còn ít, hơn nữa diện tích ông R được Chia nhiều hơn phần được hưởng. Vị trí thửa 166 không thuận tiện Cho việc cất nhà ở. Hơn nữa, ông R cũng có nhà ở ổn định nên để việc sử dụng đất có hiệu quả tốt Tòa án cấp sơ T buộc ông R di dời Chuồng heo giao lại diện tích 1.050m² Cho các đồng thừa kế đứng tên và sử dụng Chung và phải trả giá trị phần đất chênh lệch, Chi phí di dời Chuồng heo Cho ông R là phù hợp.

Tại cấp phúc T ông R cũng không cung cấp được Chứng cứ mới Chứng minh Cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, kháng cáo của ông R không được Chấp nhận.

Vị đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử không Chấp nhận kháng cáo của ông R, giữ nguyên bản án sơ T là có căn cứ được Chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không Chấp nhận kháng cáo của ông R, giữ nguyên bản án sơ T. Đề thuận tiện Cho việc thi hành án Hội đồng xét xử điều Chỉnh lại cáCh tuyên án.

Do giữ nguyên bản án sơ T nên ông R phải Chịu 300.000đ án phí dân sự phúc T theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ T không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 157, Điều 165, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật đất đai, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không Chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn R.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ T số 48/2021/DS-ST ngày 30/6/2021 của Tòa án N dân huyện Lai Vung.
3. Chấp nhận yêu cầu Chia thừa kế của nguyên đơn ông Mai Thanh H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Sáu, bà Mai Kim N, ông Mai Văn T, ông Mai Văn M, bà Mai Thị Bé Chính, bà Mai Kim H, bà Mai Kim H, ông Mai Văn Út và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Mai Văn Ne gồm: Bà Nguyễn Thị Chiêm, anh Mai Văn Bé Hai, anh Mai Văn Bé Ba, anh Mai Văn N, Chị Mai Thị Bé Tư và Chị Mai Thị Hương L.

4. Ông Mai Thanh H được hưởng thừa kế 5.251,2m² đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 01 trong phạm vi các mốc M2 - M17 - M16 - M15 - M27 - M28 - M29 - M10 - M9 - M8 - M7 - M6 - M24 - M23 - M22 - M20 - M19 - M18 - M3 về M2 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh Chấp, đo vẽ ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung.

5. Ông Mai Thanh H được quản lý sử dụng ngôi nhà thờ và tài sản trong nhà gồm 02 cái tủ thờ, 01 cái bàn trăn, 01 bộ ngựa gỗ, 01 bộ bàn dài theo Biên bản xem xét T định tại Chỗ ngày 19/3/2019 của Tòa án N dân huyện Lai Vung, Biên bản định giá ngày 19/3/2019 và ngày 26/8/2020 của Hội đồng định giá huyện Lai Vung.

6. Ông Mai Thanh H có nghĩa vụ trả giá trị Chênh lệch căn nhà và tài sản trong nhà Cho ông R là 37.041.000đ, trả giá trị Chênh lệch phần diện tích đất được hưởng Cho ông R là 7.964.000đ, tổng cộng là 45.005.000đ (Bốn mươi lăm triệu không trăm lẻ năm ngàn đồng).

7. Ông Mai Văn R được hưởng thừa kế 668,3m² đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa đất 164, tờ bản đồ số 01 trong phạm vi các mốc M1 - M2 - M17 - M16 về M1 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh Chấp, đo vẽ ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung và 5.030,7m² đất thuộc một phần thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 01 trong phạm vi các mốc M1 - M4 - M5 - M6 về M1 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh Chấp, đo vẽ ngày 27/02/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung.

8. Ông Mai Văn R phải di dời Chuồng heo và heo (Nếu có) ra khỏi thửa đất số 166, tờ bản đồ số 01 diện tích là 1.050m² trong phạm vi các mốc M14 - M15 - M27 - M28 về M14 để giao 1.050m² đất nêu trên Cho ông Mai Văn T, ông Mai Văn M, ông Mai Văn Út, bà Mai Thị Bé Sáu, bà Mai Thị Bé Chính, bà Mai Thị Kim H, bà Mai Thị Kim H, bà Mai Thị Kim N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Mai Văn Ne là: Bà Nguyễn Thị Chiêm, anh Mai Văn Bé Ba, anh Mai Văn Bé Hai, anh Mai Văn N, Chị Mai Thị Bé Tư và Chị Mai Thị Hương L sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất theo Sơ đồ đo đạc đất tranh Chấp, đo vẽ ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung.

9. Ông Mai Văn T được hưởng thừa kế 642,6m² đất trồng cây lâu năm,

thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 01 trong phạm vi các mốc M4 - M5 - M23 - M22 - M20 - M21 về M4 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh Chấp, đo vẽ ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung.

10. Ông Mai Văn Út được hưởng thừa kế 517,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 01 trong phạm vi các mốc M3 - M4 - M21 - M20 - M19 - M18 về M3 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh Chấp, đo vẽ ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung.

11. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Mai Văn Ne gồm: Bà Nguyễn Thị Chiêm, anh Mai Văn Bé Hai, anh Mai Văn Bé Ba, anh Mai Văn N, Chị Mai Thị Bé Tư và Chị Mai Thị Hương L được hưởng thừa kế 692,1m² đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 164, tờ bản đồ số 01 trong phạm vi các mốc M5 - M6 - M24 - M23 về M5 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh Chấp, đo vẽ ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung.

12. Ông Mai Văn T, bà Mai Thị Sáu, bà Mai Kim N, ông Mai Văn M, bà Mai Thị Bé Chính, bà Mai Kim H, bà Mai Kim H, ông Mai Văn Út và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Mai Văn Ne gồm: Bà Nguyễn Thị Chiêm, anh Mai Văn Bé Hai, anh Mai Văn Bé Ba, anh Mai Văn N, Chị Mai Thị Bé Tư và Mai Thị Hương L được quyền sử dụng và đứng tên Chung diện tích các thửa đất dưới đây:

+ Diện tích 1.050m² đất ở nông thôn, thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 01 trong phạm vi các mốc M14 - M15 - M27 - M28 về M14 và diện tích 4.196,9m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 01 trong phạm vi các mốc M10 - M11 - M12 - M13 - M14 - M28 - M29 về M10 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh Chấp, đo vẽ ngày 19/3/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung.

+ Diện tích 10.071,5m² đất trồng Lúa, thuộc thửa 1278, tờ bản đồ số 01 trong phạm vi các mốc M1 - M2 - M3 - M4 về M1, diện tích 1.270,8m² đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 1275, tờ bản đồ số 01 trong phạm vi các mốc M1 - M2 - M3 - M4 về M1 và diện tích 17.664,9m² đất trồng Lúa, thuộc thửa 1283, tờ bản đồ số 01 trong phạm vi các mốc M1 - M2 - M3 - M4 về M1 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh Chấp, đo vẽ ngày 27/02/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung.

13. Ông Mai Văn T, bà Mai Thị Sáu, bà Mai Kim N, ông Mai Văn M, bà Mai Thị Bé Chính, bà Mai Kim H, bà Mai Kim H, ông Mai Văn Út và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Mai Văn Ne gồm: Bà Nguyễn Thị Chiêm, anh Mai Văn Bé Hai, anh Mai Văn Bé Ba, anh Mai Văn N, Chị Mai Thị Bé Tư và Chị Mai Thị Hương L có nghĩa vụ liên đới trả giá trị Chênh lệch phần diện tích được hưởng thừa kế đối thừa đất 166, tờ bản đồ số 01 Cho ông Mai Văn R là 26.727.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

14. Buộc ông Mai Văn T, bà Mai Thị Sáu, bà Mai Kim N, ông Mai Văn M, bà Mai Thị Bé Chính, bà Mai Kim H, bà Mai Kim H, ông Mai Văn Út và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Mai Văn Ne gồm: bà Nguyễn Thị Chiêm, anh Mai Văn Bé Hai, anh Mai Văn Bé Ba, anh Mai Văn N, Chị Mai Thị Bé Tư và Chị Mai Thị Hương L phải trả Chi phí di dời Chuồng heo Cho ông Mai Văn R là 3.959.000 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án Cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải Chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

(Kèm theo Biên bản xem xét T định tại Chỗ của Tòa án ngày 27/02/2019, 19/3/2019, biên bản định giá ngày 27/02/2019, 19/3/2019, ngày 26/8/2020 và Sơ đồ đo đạc đất tranh Chấp giữa nguyên đơn Mai Thanh H và bị đơn Mai Văn R ngày 11/11/2020 (Đo vẽ ngày 27/02/2019 và 19/3/2019) của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Lai Vung).

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có T quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đề nghị Ủy ban N dân huyện Lai Vung thu hồi Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên đã cấp Cho ông Mai Văn Thảo để cấp lại Cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

15. Về án phí:

+ Ông Mai Văn R phải Chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc T và được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc T theo biên lai số 0014771 ngày 22/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

+ Ông Mai Văn R, bà Nguyễn Thị Chiêm không phải Chịu án phí dân sự sơ T.

+ Ông Mai Thanh H phải Chịu 37.721.000 đồng án phí dân sự sơ T và được trừ vào 8.334.825 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ T theo biên lai số 0001358 ngày 01/8/2018 và 893.000 đồng theo biên lai số 0001881 ngày 13/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Ông H còn phải nộp thêm là 28.493.000 đồng.

+ Ông Mai Văn T phải Chịu 18.666.600 đồng án phí dân sự sơ T và được trừ vào 12.056.122 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ T theo biên lai số 0005387 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Ông T phải nộp thêm 6.610.000 đồng.

+ Ông Mai Văn Út phải Chịu 18.105.450 đồng án phí dân sự sơ T và được trừ vào 11.851.122 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ T theo biên lai số 0005383 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Ông Út phải nộp thêm 6.254.328 đồng.

+ Anh Mai Văn Bé Hai, anh Mai Văn N, anh Mai Văn Bé Ba, Chị Mai Thị Bé Tư và Chị Mai Thị Hương L liên đới Chịu 15.741.500 đồng án phí dân sự sơ T.

+ Bà Mai Thị Sáu phải Chịu 15.775.000 đồng án phí dân sự sơ T và được trừ vào 10.651.122 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ T theo biên lai số 0005386 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Bà Sáu phải nộp thêm 5.123.878 đồng.

+ Bà Mai Thị Kim N phải Chịu 15.775.000 đồng án phí dân sự sơ T và được trừ vào 10.651.122 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ T theo biên lai số 0005385 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Bà N phải nộp thêm 5.123.878 đồng.

+ Ông Mai Văn M phải Chịu 15.775.000 đồng án phí dân sự sơ T và được trừ vào 10.651.122 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ T theo biên lai số 0005382 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Ông M phải nộp thêm 5.123.878 đồng.

+ Bà Mai Thị Bé Chính phải Chịu 15.775.000 đồng án phí dân sự sơ T và được trừ vào 10.651.122 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ T theo biên lai

số 0005384 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Bà Bé Chính phải nộp thêm 5.123.878 đồng.

+ Bà Mai Kim H phải Chịu 15.775.000 đồng án phí dân sự sơ T và được trừ vào 10.651.122 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ T theo biên lai số 0005388 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Bà H phải nộp thêm 5.123.878 đồng.

+ Bà Mai Kim H phải Chịu 15.775.000 đồng án phí dân sự sơ T và được trừ vào 10.651.122 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ T theo biên lai số 0005389 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Bà H phải nộp thêm 5.123.878 đồng.

+ Ông Mai Văn T, bà Mai Thị Sáu, bà Mai Kim N, ông Mai Văn M, bà Mai Thị Bé Chính, bà Mai Kim H, bà Mai Kim H, ông Mai Văn Út và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Mai Văn Ne gồm: bà Nguyễn Thị Chiếm, anh Mai Văn Bé Hai, anh Mai Văn Bé Ba, anh Mai Văn N, Chị Mai Thị Bé Tư và Chị Mai Thị Hương L phải liên đới Chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ T.

16. Về Chi phí xem xét T định tại Chỗ và định giá tài sản:

+ Các ông bà Mai Văn R, Mai Văn T, Mai Văn M, Mai Văn Út, Mai Thị Sáu, Mai Kim N, Mai Kim H, Mai Thị Bé Chính và Mai Kim H phải Chịu mỗi người là 2.748.000 đồng. Do ông Mai Thanh H đã tạm ứng trước nên các ông bà R, T, M, Út, Sáu, N, H, Bé Chính và H mỗi người phải trả lại Cho ông H là 2.748.000 đồng.

+ Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Mai Văn Ne gồm: Bà Nguyễn Thị Chiếm, anh Mai Văn Bé Hai, anh Mai Văn Bé Ba, anh Mai Văn N, Chị Mai Thị Bé Tư và Chị Mai Thị Hương L phải Chịu là 2.748.000 đồng. Do ông Mai Thanh H đã tạm ứng trước nên bà Chiếm, anh Bé Hai, anh Bé Ba, anh N, Chị Bé Tư và Chị Hương L phải liên đới trả lại Cho ông H là 2.748.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng Chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC T
T phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt